

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 7- 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Gi, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Anh Lê Hoàng L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

(Anh Đ, anh L Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Gi tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997, đến năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống do anh Gi không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, ăn chơi về nhà gây rối đánh vợ con, nhiều lần được cha mẹ hai bên khuyên ngăn, hàn gắn nhưng anh Gi vẫn không thay đổi nên vợ chồng ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Chị M xác định chị với anh Gi không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Gi.

Về con chung: Chị M xác định trong thời gian chung sống chị và anh Gi có 02 người con tên Bùi Duy L sinh năm 1999 và Bùi Anh Th sinh ngày 27/3/2007. Hiện cháu L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Th do chị đang nuôi dạy. Khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th; vấn đề cấp dưỡng cho con không đặt ra.

Về tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị M xác định vào năm 2017 vợ chồng chị có vay của anh Lê Hoàng L số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, chị đã đóng tiền lãi được khoảng 18 tháng, số tiền vay dùng để chuộc xe cho anh Gi 12.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng dùng để chi phí trong gia đình; vay nợ của anh Đ khoảng 10.000.000 đồng đã lâu chị không nhớ rõ năm nào, đến nay vốn và lãi bao nhiêu chị không biết. Đối với số tiền hụi của anh Đ sau khi đã đổi chiếu vợ chồng chị còn nợ lại khoảng 45.000.000 đồng. Ngoài ra hụi của bà Đ tính đến tháng 12/2018 khoảng 100.000.000 đồng, trong thời gian vợ chồng ly thân chị đã thanh toán được khoảng 45.000.000 đồng; nợ bà Tr 05 chỉ vàng 24K vào khoảng năm 2016, nợ anh Lê Bé Nh 10.000.000 đồng để chuộc xe cho anh Gi vào năm 2018. Đối với các khoản nợ của bà Đ, bà Tr anh Nh, chị M đã thỏa thuận trả nợ, nên không yêu cầu anh Gi cùng có nghĩa vụ thanh toán.

* Tại biên bản hòa giải ngày 27/4/2022, bị đơn anh Bùi Văn Gi trình bày:

Về hôn nhân: Anh Gi thống nhất với lời trình bày của chị M về hôn nhân, con chung, tài sản chung. Tại phiên hòa giải anh Gi xác định không còn tình cảm với chị M và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung tên Bùi Duy Linh sinh năm 1999 và Bùi Anh Thư sinh ngày 27/3/2007. Khi ly hôn cháu Linh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Thư anh Gi yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh Gi xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh Gi xác định vợ chồng nợ anh Bùi Văn Đ tiền hụi hơn 80.000.000 đồng, tiền vay vốn và lãi 86.000.000 đồng (do anh Đ đứng tên vay Ngân

hàng sau đó cho anh Gi vay lại), năm 2017 chị M có vay của anh Lê Hoàng L số tiền 25.000.000 đồng tính đến nay nợ lãi 15.000.000 đồng. Khi ly hôn anh Gi yêu cầu chị M và anh cùng có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trên. Ngoài ra còn nợ bên gia đình chị M nhưng chị M không trình bày nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/6/2022, bị đơn anh Bùi Văn Gi trình bày: Anh Gi bảo lưu ý kiến trình bày tại biên bản hòa giải ngày 27/4/2022. Tại buổi hòa giải hôm nay anh Gi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M do về phần nợ chung vợ chồng không thỏa thuận được.

* Tại biên bản hòa giải ngày 09/6/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng L trình bày: Ngày 25/7/2017 anh có vay dùm cho vợ chồng chị M, anh Gi số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 50.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng, chị M đóng lãi đến tháng 11/2018 và từ 25/11/2018 đến nay chị M không đóng lãi cho anh. Tại phiên hòa giải hôm nay anh L xác định sẽ tự thỏa thuận với chị M, anh Gi về nghĩa vụ thanh toán nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn Đ: Tại phiên hòa giải anh Đ không trình bày ý kiến và tự ý bỏ về.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Gi; đối với anh Bùi Văn Đ, anh Lê Hoàng L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên Tòa án không triệu tập.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Bùi Văn Gi tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh Gi được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị M xác định trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Gi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Tại phiên tòa chị M xác định không còn tình cảm với anh Gi và cũng không thể trở về nhà tiếp tục chung sống với anh Gi được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Gi; đối với anh Gi tại phiên hòa giải ngày 27/4/2022 anh Gi xác định không còn tình cảm với chị M nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M, tại biên bản hòa giải ngày 09/6/2022 anh Gi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M do về phần nợ chung vợ chồng không thỏa thuận được. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị M và anh Gi xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay mà anh chị vẫn không hàn gắn được, điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M với anh Gi đã không còn, hôn nhân giữa chị M với anh Gi đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M được ly hôn với anh Gi là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị M và anh Gi có 02 người con tên Bùi Duy L sinh năm 1999 và Bùi Anh Th sinh ngày 27/3/2007. Hiện cháu Linh đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với cháu Thư do chị M đang nuôi dạy. Khi ly hôn chị M và anh Gi đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thư; vấn đề cấp dưỡng cho con không đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh Gi và chị M ly thân cho đến nay cháu Thư do chị M trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Thư vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Thư cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư; đối với việc cấp dưỡng cho con chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh Gi xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác: Đối với anh Lê Hoàng L, anh Bùi Văn Đ không có đơn yêu cầu khởi kiện độc lập theo quy định đối với khoản nợ chị M và anh Gi đặt ra khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M. Cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn Gi.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh Th sinh ngày 27/3/2007 cho chị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Gi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014869 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Gi, ông Điền, ông Liêm có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tiêu Hồng Phụng